

Số: 31/2025/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 12 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số mức chi và thời gian hưởng hỗ trợ khi tham gia phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 83/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;

Thực hiện Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031;

Căn cứ Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031;

Xét Tờ trình số 13637/TTr-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2025 Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số mức chi và thời gian hưởng hỗ trợ khi tham gia phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định một số mức chi và thời gian hưởng hỗ trợ khi tham gia phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ liên quan đến phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử phải được các cơ quan, đơn vị quản lý chặt chẽ, chi tiêu đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả, công khai, minh bạch, không trùng lặp; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để phục vụ cho công tác tổ chức bầu cử; sử dụng các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được, huy động các phương tiện đang được trang bị ở các cơ quan, tổ chức để phục vụ cho công tác bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau của cùng một nội dung chi thì chỉ được hưởng mức chi cao nhất. Danh sách đối tượng chi trả được thực hiện theo nghị quyết, quyết định, văn bản thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Quy định mức chi và thời gian hỗ trợ

1. Mức chi và thời gian hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

2. Các nội dung chi khác không quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 22 tháng 12 năm 2025.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 35 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2025./*sg*

Nơi nhận: *sg*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp (Cục KTVB&QLXPVPHC) (để b/c);
- TT.Tỉnh uỷ, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh,
Cơ quan UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh,
Thị hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu VT. *sg*



Hoàng Nghĩa Hiếu

Phụ lục
MỘT SỐ MỨC CHI VÀ THỜI GIAN HƯỞNG HỖ TRỢ KHI THAM GIA PHỤC VỤ CÔNG TÁC BẦU CỬ
ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP
NHIỆM KỲ 2026 - 2031 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Thời gian hỗ trợ	Mức chi	
				Cấp tỉnh	Cấp xã
1	Chi xây dựng văn bản				
a	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử			Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành	
b	Chi xây dựng văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh tại điểm a khoản 1 Phụ lục này liên quan đến công tác bầu cử như: Kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, các báo cáo, biên bản tổng kết... do Ủy ban bầu cử, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Sở Nội vụ ban hành				
-	Xây dựng văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý)	đồng/văn bản		3.000.000	2.100.000
-	Xin ý kiến bằng văn bản của các cá nhân, chuyên gia	đồng/người/lần		Từ 100.000 - 300.000 (tối đa không quá 1.000.000 đồng/người/văn bản)	Từ 100.000 - 200.000 (tối đa không quá 500.000 đồng/người/văn bản)
2	Chi tổ chức các hội nghị: Hội nghị triển khai công tác bầu cử, hội nghị trực tuyến, hội nghị hiệp thương, hội nghị cử tri, hội nghị tiếp xúc cử tri, vận động bầu cử; hội nghị tập huấn, hội nghị giao ban, hội nghị tổng kết, khen thưởng			Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Nghệ An; được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 10/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
3	Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử			Thực hiện theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Thông tư 06/2023/TT-BTC ngày 31/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	
4	Chi bồi dưỡng các cuộc họp				
a	Các cuộc họp của Ban chỉ đạo bầu cử các cấp, Ủy ban bầu cử các cấp, các Ban bầu cử, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử				
-	Chủ trì cuộc họp	đồng/người/buổi		500.000	350.000



ng

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Thời gian hỗ trợ	Mức chi	
				Cấp tỉnh	Cấp xã
-	Thành viên tham dự	đồng/người/buổi		200.000	140.000
-	Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi		100.000	70.000
b	Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử				
-	Chủ trì cuộc họp	đồng/người/buổi		300.000	210.000
-	Thành viên tham dự	đồng/người/buổi		200.000	140.000
-	Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi		100.000	70.000
5	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban chỉ đạo bầu cử các cấp, Ủy ban bầu cử các cấp, Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử (ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành)				
a	Trưởng đoàn giám sát	đồng/người/buổi		300.000	210.000
b	Thành viên chính thức của đoàn giám sát	đồng/người/buổi		200.000	140.000
c	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát				
-	Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát	đồng/người/buổi		150.000	105.000
-	Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe, bảo vệ lãnh đạo)	đồng/người/buổi		100.000	70.000
d	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát				
-	Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát	đồng/báo cáo		5.000.000	3.500.000
-	Báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban bầu cử	đồng/báo cáo		7.000.000	4.900.000
-	Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo	đồng/báo cáo		1.000.000	700.000
6	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử				
a	Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi		150.000	105.000
b	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi		100.000	70.000
c	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi		50.000	35.000
7	Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử				
a	Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau		Thời gian hưởng các chế độ bồi dưỡng được tính từ thời gian Quyết định thành lập cử người có hiệu lực và đến khi Ủy ban bầu cử tỉnh kết thúc nhiệm vụ (tối đa không quá 05 tháng)		
-	Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng		3.300.000	2.310.000
-	Thành viên Ủy ban bầu cử các cấp; Phó trưởng các Tiểu ban, Thành viên các Tiểu ban	đồng/người/tháng		3.000.000	2.100.000
-	Thành viên các Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng		2.700.000	1.890.000

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Thời gian hỗ trợ	Mức chi	
				Cấp tỉnh	Cấp xã
b	Bồi dưỡng các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các Tiểu ban, Tổ giúp việc; thời gian hưởng không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát, phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)				
-	Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử không quá 15 ngày	đồng/người/ngày	Không quá 15 ngày	200.000	140.000
-	Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày	đồng/người/tháng	Trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp thẩm quyền phê duyệt	3.000.000	2.100.000
c	Bồi dưỡng riêng (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử) áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử	đồng/người/ngày	2 ngày	300.000	210.000
8	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử		Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, từ thời điểm Nghị quyết, Quyết định thành lập, cử người được cấp có thẩm quyền phê duyệt (tối đa không quá 05 tháng)		
a	Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên của Ủy ban bầu cử; Trưởng, Phó trưởng, thành viên các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử; Thường trực Tổ giúp việc cho Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Thường trực giúp việc thành viên tổ giúp việc cho Giám đốc Sở Nội vụ	đồng/người/tháng		500.000	350.000
b	Các thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử, cán bộ tham gia phục vụ bầu cử theo quyết định của Ủy ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Giám đốc Sở Nội vụ; Thành viên Ban chỉ đạo bầu cử các cấp; Thành viên Tổ giúp việc của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thành viên Tổ giúp việc cho các cơ quan được giao nhiệm vụ tham mưu trực tiếp và thường xuyên trong thời gian bầu cử	đồng/người/tháng		300.000	210.000
9	Chi cho công tác đảm bảo an ninh, trật tự, thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn và vận động bầu cử			Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành	
10	Chi phí hành chính cho công tác bầu cử (mức chi tối đa)				
a	Chi đóng hòm phiếu (trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung)	đồng/hòm phiếu		500.000	
b	Chi khắc dấu (trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung) (chưa bao gồm phí, lệ phí)	đồng/dấu		400.000	
c	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử (trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, cần phải bổ sung)	đồng/bảng		1.500.000	